

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/12/2022

V/v tranh chấp "xin ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Khanh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Phúc

Bà Trần Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 153/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Phương T, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Thanh B, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh T.

- Chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Anh B vắng mặt không lý do dù được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 05/7/2022 nguyên đơn chị Lê Thị Phương T trình bày: Tôi và anh Huỳnh Thanh B cưới nhau vào năm 2006, có quen biết tìm hiểu trước và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T vào ngày 28/6/2007. Sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống tương đối hạnh phúc, đến năm 2015 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã. Lý do, do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, nên tôi không

thể tiếp tục chung sống với anh B được nữa và ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Huỳnh Lê Tuyết N, sinh ngày 17/11/2007 hiện đang sống cùng anh B và Huỳnh Lê Minh Đ, sinh ngày 07/7/2012 hiện đang sống cùng tôi.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Huỳnh Thanh B; Về con chung: yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đ, anh B chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung; không có; Về nợ chung: không có.

Ngày 14/11/2022 nguyên đơn chị Lê Thị Phương T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Huỳnh Thanh B đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị T và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng anh B vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Lê Thị Phương T và bị đơn anh Huỳnh Thanh B vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của chị Lê Thị Phương T tại phiên tòa, thì chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết cho chị được ly hôn anh Huỳnh Thanh B. Anh Huỳnh Thanh B hiện cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh T. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Ly hôn" qui định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn chị Lê Thị Phương T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Huỳnh Thanh B không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để xét xử nhưng anh B vẫn vắng mặt hai lần không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị Lê Thị Phương T và bị đơn anh Huỳnh Thanh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị Phương T yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Thanh B. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Phương T. Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh B cưới nhau vào năm 2006, có quen biết tìm hiểu trước và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T vào ngày 28/6/2007. Chị T xác định sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống tương đối hạnh phúc, đến năm 2015 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã. Lý do, do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, nên tôi không thể tiếp tục chung sống với anh B được nữa và ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được gì. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế trong thời gian ly thân nhau, chị T và anh B cũng không có một động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án chị T cương quyết được xin ly hôn đối với anh B vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Lời khai của ông Lê Văn B là cha ruột chị T cũng xác định chị T và anh B có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Bị đơn anh Huỳnh Thanh B đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị T và cũng được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần để hòa giải nhưng anh B vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án. Anh B đã được Tòa án thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ nhưng anh vẫn không có ý kiến. Như vậy chứng tỏ anh B đã không còn tình cảm đối với chị T. Đặc biệt vào ngày 21/6/2022 chị T và anh B đã có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, cả 02 cùng ký tên gửi cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện C nhận đơn số 485. Theo chị T xác định sau đó Tòa án nhân dân huyện C tiến hành mời xử lý đơn thì anh B lại không đến Tòa nên Tòa án nhân dân huyện C đã trả lại đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh B là đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Lê Thị Phương T được ly hôn anh Huỳnh Thanh B là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh B có 02 chung là cháu Huỳnh Lê Tuyết N, sinh ngày 17/11/2007 hiện đang sống cùng anh B và cháu Huỳnh Lê Minh Đ, sinh ngày 07/7/2012 hiện đang sống chị T. Quá trình giải quyết vụ án chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đ, anh B chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hội đồng xét xử xét thấy cháu N hiện đang sống cùng anh B và cháu Đ hiện đang sống cùng chị T ổn định. Lời khai của cháu N yêu cầu được sống cùng anh B và lời khai cháu Đ yêu cầu được sống cùng chị T. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho chị T tiếp tục nuôi cháu Đ và anh B tiếp tục nuôi cháu N là phù hợp, đảm bảo cuộc sống cho 02 cháu.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận cho chị Lê Thị Phương T được ly hôn với anh Huỳnh Thanh B.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Lê Thị Phương T được tiếp tục nuôi một con chung giữa chị và anh Huỳnh Thanh B là cháu Huỳnh Lê Minh Đ, sinh ngày 07/7/2012.

- Giao cho anh Huỳnh Thanh B được tiếp tục nuôi một con chung giữa anh và chị Lê Thị Phương T là cháu Huỳnh Lê Tuyết N, sinh ngày 17/11/2007.

Anh Huỳnh Thanh B và chị Lê Thị Phương T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau do chưa có yêu cầu.

Anh Huỳnh Thanh B và chị Lê Thị Phương T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền tranh cản.

3. Về án phí:

Chị Lê Thị Phương T phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0003203 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị T thi hành xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị T và anh B được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- UBND xã H;
- Các đương sự:
 - + Lê Thị Phương T
 - + Huỳnh Thanh B
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Khanh